

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No.: 655 /2026/TBNV-SSIAM-NVQ

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔIANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

To: State Securities Commission of Vietnam, Vietnam Exchange, HoChiMinh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/Fund Management company: Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI/SSI Asset Management Company Limited
- Tên Ngân hàng giám sát/Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV
- Tên quỹ ETF/ETF name: QUỸ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/Exchange date: 05/05/2026
- Đơn vị tính lô ETF/Unit: 1 lô ETF tương đương 100 000 chứng chỉ quỹ ETF

Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
1	ACB	5,030	3.91%
2	BSR	400	0.34%
3	CTG	1,340	1.59%
4	DCM	100	0.14%
5	DGC	200	0.36%
6	DPM	300	0.26%
7	EIB	1,720	1.26%
8	FPT	1,670	4.14%
9	FRT	100	0.50%
10	GEX	710	0.94%
11	GMD	440	1.11%
12	HCM	700	0.62%
13	HDB	4,620	4.12%
14	HPG	4,870	4.52%
15	IDC	200	0.30%
16	KBC	500	0.58%
17	KDH	800	0.67%
18	LPB	3,270	5.17%
19	MBB	4,640	4.07%
20	MSB	2,560	1.08%
21	MSN	1,000	2.58%
22	MWG	1,270	3.62%



Qm

23	NLG	400	0.37%
24	NVL	1,670	1.07%
25	PDR	600	0.33%
26	PNJ	300	0.69%
27	POW	700	0.31%
28	PVS	200	0.26%
29	SHB	4,500	2.17%
30	SHS	900	0.51%
31	SSI	2,010	1.87%
32	STB	2,070	4.61%
33	TCB	4,490	5.06%
34	TPB	1,760	0.96%
35	VCB	1,060	2.16%
36	VCG	400	0.31%
37	VCI	930	0.82%
38	VHM	1,420	6.78%
39	VIB	2,550	1.38%
40	VIC	1,570	11.19%
41	VIX	2,850	1.61%
42	VJC	310	1.88%
43	VND	1,320	0.72%
44	VNM	960	1.97%
45	VPB	5,180	4.69%
46	VPI	100	0.21%
47	VRE	1,050	1.19%
I	Chứng khoán/Stock	2,826,467,000	95%
II	Tiền/Cash(VND)	148,653,173	5%
III	Tổng/Total (=I+II)	2,975,120,173	100%

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoàn đổi/ Difference between the value of securities basket and the offering price of an ETF Creation Unit as follow:

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Value of component securities basket: (VND)	2,826,467,000
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per ETF Creation Unit: (VND)	2,975,120,173
+ Giá trị chênh lệch/Cash component: (VND)	148,653,173

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ Plan to reduce the difference:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer the difference into the Fund's account

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive the difference from the Fund after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/In case stock can be replaced by cash, (if any, state clearly the reason):

STT	Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu	Đối tượng áp dụng	Lý do
-----	----------------	------------------------------------	-------------------	-------

No.	Securities code	Substitution cash per share (VND)	Applied to	Reason
1	SSI	27,700	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
2	VCI	26,150	VIETCAP	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
3	VND	16,200	VNDS	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury stock not yet registered for trading
4	VCB	60,700	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4 a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4 a Circular 121/2020/TT-BTC
5	MBB	26,100	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	84,900	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
7	PNJ	68,300	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
8	TCB	33,550	Nhà đầu tư nước ngoài/AP nước ngoài Foreign Investor/Foreign AP	Cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period (*) 05/05/2026	Kỳ trước/Last Period (**) 04/05/2026	Chênh lệch/ Difference
1.Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0.00	0.00	0.00
2.Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0.00	0.00	0.00
3.Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	5,200,000.00	5,200,000.00	0.00
4.Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	30,000.00	29,980.00	20.00
5.Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date	0.00	0.00	0.00
của quỹ ETF/ of the Fund	154,706,249,030.00	155,461,067,659.00	-754,818,629.00
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	2,975,120,173.00	2,989,635,916.00	-14,515,743.00
của 1 CCQ/ per Share	29,751.20	29,896.35	-145.15
6.Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	3,397.94	3,370.22	27.72

(*) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 04/05/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 04/05/2026.

(**) Chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 03/05/2026/ Indicator No. 5 uses the net asset value 03/05/2026.

Đại diện tổ chức

Organization representative



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Tô Thùy Linh